

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ Năm học: 2025-2026

#### I. Đặc điểm tình hình

##### 1. Quy mô trường, nhóm, lớp

###### 1.1. Điểm trường, số nhóm, lớp, số trẻ

- Năm học 2025-2026, Trường Mầm non Duy Minh có 02 điểm trường. Điểm trường trung tâm tại khu Đô Thị Đồng Văn Xanh, tổ dân phố Chuông, điểm trường lẻ tại tổ dân phố Tú, phường Duy Hà.

- Toàn trường có 19 nhóm, lớp. Ngoài ra, phường Duy Hà giao nhiệm vụ cho nhà trường phụ trách 3 lớp mầm non độc lập (MNĐL) với 11 nhóm, lớp.

+ Có 7 nhóm trẻ, trong đó có 4 nhóm trẻ công lập, 3 nhóm trẻ ngoài công lập. Huy động trẻ ra lớp 142 trẻ (trẻ công lập: 87 trẻ, ngoài công lập: 55 trẻ).

+ Có 23 lớp mẫu giáo: trong đó công lập có 15 lớp, ngoài công lập 8 lớp.

Chia ra: Mẫu giáo 3 tuổi: 8 lớp (công lập: 5, ngoài công lập: 3).

Mẫu giáo 4 tuổi: 7 lớp (công lập: 5, ngoài công lập: 2).

Mẫu giáo 5 tuổi: 8 lớp (công lập: 5, ngoài công lập: 3).

Huy động trẻ ra lớp 513 trẻ (công lập: 373 trẻ, ngoài công lập: 140 trẻ).

###### 1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, đảm bảo theo tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Có đủ 19 phòng học/19 nhóm, lớp, có sân chơi và đồ chơi ngoài trời, môi trường giáo dục xanh, an toàn, thân thiện, đảm bảo an toàn cho trẻ đến trường, tạo niềm tin cho cha mẹ trẻ và nhân dân; có trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo yêu cầu giáo dục mầm non hiện nay. Đồ dùng thiết bị phục vụ công tác nuôi ăn bán trú được mua sắm bổ sung tương đối đồng bộ.

###### 1.3. Đội ngũ

- Số lượng: Toàn trường có 49 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó CBQL: 03 người, giáo viên 35 người (có 01 giáo viên hợp đồng); nhân viên 02 đồng chí; nhân viên hợp đồng nấu ăn 6 người, bảo vệ 3 người.

- Trình độ chuyên môn: Có 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn có 24/38 người đạt 63%.

## **2. Thuận lợi, khó khăn**

### **2.1. Thuận lợi**

Trường Mầm non Duy Minh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình và của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Đặc biệt được sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Văn hóa – Xã hội phường Duy Hà cùng với sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân và cha mẹ trẻ.

- Nhà trường có cơ sở vật chất đầy đủ của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3; bảo đảm các điều kiện để thực hiện chương trình GDMN, có đủ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng Tiếng anh, phòng thư viện, phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ. 100% số phòng hiện có đều được xây dựng kiên cố đạt chuẩn, nhà bếp xây dựng theo nguyên tắc bếp 01 chiều; cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp, có đầy đủ thiết bị, đồ dùng đáp ứng được yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Môi trường giáo dục được xây dựng gần gũi, thân thiện, an toàn với trẻ.

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có ý thức trách nhiệm, chủ động khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

### **2.2. Khó khăn**

- Nhà trường còn thiếu 09 giáo viên theo quy định.

- Một số thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đã cũ, chưa đồng bộ. Một số đồ chơi ngoài trời đã xuống cấp.

- Trường có 2 điểm trường, khoảng cách giữa 2 điểm trường cách xa nên việc sắp xếp phân bố trẻ vào các nhóm, lớp giữa 2 điểm trường không đồng đều.

- Yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục mầm non đòi hỏi mỗi giáo viên cần thay đổi để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

## **II. Kết quả thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ**

### **2.1. Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường**

Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. 100% trẻ đến trường được nuôi ăn bán trú tại trường. Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt

trong ngày. Nhà trẻ ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ ngày; mẫu giáo ăn 1 bữa chính, 1 bữa phụ/ ngày; mức ăn của trẻ là 20.000đồng/ngày/trẻ; được đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng cân đối bữa chính, bữa phụ theo quy định.

## **2.2. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; nước uống, nước sinh hoạt**

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức an toàn thực phẩm cho người nấu ăn và cán bộ quản lý, nhân viên nhà trường. Chỉ đạo bếp ăn thực hiện 6 quy trình ATTP bếp ăn tập thể, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.

- Bếp ăn được sắp xếp ngăn nắp, khoa học. Dụng cụ nuôi ăn được sử dụng và vệ sinh thường xuyên, có đầy đủ các bảng biểu và có bảng 6 quy trình bếp ăn an toàn VSTP.

- Nguồn cung cấp thực phẩm: Nhà trường hợp đồng thực phẩm với công ty TNHH thương mại dịch vụ Nghiệp Thành và hợp đồng sữa với Hộ kinh doanh Đoàn Minh 1976, có đủ năng lực, hồ sơ pháp lý. Từ đầu năm học đến nay nhà trường không để xảy ra trường hợp nào bị ngộ độc thực phẩm. Nhà trường thực hiện truy suất nguồn gốc thực phẩm bằng việc kiểm tra mã QR cùng với thực phẩm được giao nhận hàng ngày, công khai đấu thầu trong trường hợp đặc biệt với các đơn vị cung cấp thực phẩm, cung cấp sữa cho trẻ ăn bán trú tại trường.

- Nhà trường có nguồn nước máy (qua hệ thống máy lọc) và nước uống tinh khiết sử dụng đạt chuẩn, bảo đảm cung cấp đầy đủ nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ, đáp ứng yêu cầu vệ sinh, an toàn theo quy chuẩn của Bộ Y tế. Có kết quả xét nghiệm định kỳ; dụng cụ đựng nước luôn sạch sẽ, an toàn, đặt trên giá/kệ đúng quy cách, tại nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tất cả các điểm trường có hệ thống bể chứa nước sạch có nắp đậy kín, lưới chắn côn trùng và được vệ sinh, thau rửa định kỳ.

## **2.3. Đảm bảo chất lượng bữa ăn bán trú**

- Xây dựng thực đơn được thay đổi theo tuần, tuần/mùa, đa dạng thực phẩm, cân đối định lượng calo, tỷ lệ các chất (P-L-G) hợp lý; màu sắc món ăn hấp dẫn, trẻ ăn ngon miệng.

- Tính khẩu phần ăn cho trẻ: Nhà trường nghiêm túc thực hiện tính khẩu

phần ăn cho trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng của Công ty cổ phần đầu tư phát triển và chuyển giao công nghệ Việt Nam. Tỷ lệ các chất dinh dưỡng cân đối và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng trong ngày của trẻ.

#### 2.4. Thực hiện nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng

- Chế độ ăn của trẻ hằng ngày được nhà trường công khai tài chính, thực phẩm đầu vào rõ nguồn gốc niêm yết tại bảng tài chính công khai của nhà trường cho cha mẹ trẻ biết. Hằng ngày có người giao, nhận thực phẩm rõ ràng, quy trình sơ chế và chế biến thực phẩm đảm bảo ATTP, thực hiện theo quy trình 01 chiều. Tạo mã QR để công khai thực đơn hằng ngày, mã quét QR truy xuất nguồn gốc thực phẩm của nhà cung cấp.

- Thực hiện tốt việc phối hợp, giám sát của cha mẹ trẻ trong việc tổ chức nuôi ăn cho trẻ:

#### 2.5. Chăm sóc sức khỏe cho trẻ

- Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ: Nhà trường kết hợp với trạm y tế phường khám sức khỏe cho trẻ vào tháng 9 năm 2025. Phối hợp tiêm chủng cho trẻ đảm bảo 100%.

- Việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng: 100% trẻ được theo dõi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao. Tăng cường các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.

\* Số trẻ được theo dõi biểu đồ tăng trưởng tháng 3 năm 2026: 451/451 trẻ đạt 100%.

- Chia ra: Nhà trẻ: 78/78 đạt 100%; Mẫu giáo: 373/373 đạt 100%

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân: 2/451 trẻ chiếm 0,44%, số trẻ SDD thấp còi còn 03/451 trẻ chiếm 0,67%.

+ Nhà trẻ: SDD thể nhẹ cân: Không có

SDD thấp còi: 01/78 trẻ chiếm tỷ lệ 1,28%

+ Mẫu giáo: SDD thể nhẹ cân: 2/373 trẻ chiếm tỷ lệ 0,53%

SDD thấp còi: 02/373 trẻ chiếm tỷ lệ 0,53%

+ Số trẻ được theo dõi cân nặng theo chiều cao: 449/451 trẻ đạt tỷ lệ 99,55%

+ Số trẻ thừa cân, béo phì: 2/449 chiếm tỷ lệ 0,44%.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, chăm sóc và bảo đảm an toàn

cho trẻ em trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe cho trẻ em; thực hiện tốt công tác y tế trường học.

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Kết quả nổi bật so với chỉ tiêu đề ra và so với cùng kỳ năm học trước**

Năm học 2025-2026, nhà trường đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, UBND và Phòng Văn hóa - Xã hội phường Duy Hà; sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể địa phương và sự đồng thuận, ủng hộ của cha mẹ trẻ. Đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong năm học, đạt 100% kế hoạch đề ra. Vượt chỉ tiêu so với cùng kỳ năm học trước, cụ thể:

- Nhà trường thực hiện tốt mô hình vệ sinh an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất, tinh thần cho 100% trẻ; không xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.

- Duy trì tỷ lệ 100% trẻ đến trường được nuôi ăn bán trú, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc được nâng cao. Chất lượng giáo dục trẻ luôn được phát huy, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 1%, trẻ thừa cân béo phì còn 0.4%.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai thực đơn, bảng tài chính cũng như các loại hồ sơ, kế hoạch có liên quan đến công tác nuôi dưỡng chăm sóc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số trong việc truy suất nguồn gốc thực phẩm, kiểm tra sát sao công tác giao nhận thực phẩm góp phần đảm bảo chất lượng bữa ăn cho trẻ tại nhà trường.

#### **2. Hạn chế, nguyên nhân**

##### **2.1. Hạn chế**

- Nhân viên nuôi dưỡng có độ tuổi từ 50-60 tuổi, khả năng sử dụng một số đồ dùng thiết bị còn hạn chế.

- Một số đồ dùng, dụng cụ phục vụ công tác nuôi ăn bán trú chưa đồng bộ.

##### **2.2. Nguyên nhân**

- Do mức lương chi trả cho nhân viên nuôi dưỡng còn thấp nên khó thu hút người lao động trẻ tuổi.

- Kinh phí để mua sắm thiết bị- đồ dùng còn hạn hẹp.

#### **3. Đề xuất, kiến nghị.**

- Các cấp có thẩm quyền có chính sách phù hợp để áp dụng đối với nhân

viên nuôi dưỡng.

- Địa phương đầu tư kinh phí để mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, phòng tin học, các thiết bị hiện đại để thực hiện UDCNTT, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ năm học 2025-2026.

Trường Mầm non Duy Minh trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận:**

- Phòng VHXH phường ( để b/c);
- Lưu: VT.

**T/M HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**MẦM NON**  
**DUY MINH**  
**PHẠM THỊ THÚY NGÂN**